ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3339/KH-UBND	*Hương Trà, ngày 16 tháng 9 năm 2021*

KẾ HOẠCH
Tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn thị xã Hương Trà

Căn cứ Thực hiện Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm và quy trình và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025; Thông tư 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025;

Thực hiện Kế hoạch số 284/KH-UBND ngày 13/9/2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Ủy ban nhân dân thị xã Hương Trà ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Rà soát, đánh giá tình hình hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 và năm 2021.

b) Tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 được quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ.

c) Xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 được quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ.

2. Yêu cầu: Việc tổng rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy, chính quyền, sự tham gia của các cấp hội, đoàn thể và của người dân; phải được thực hiện đúng quy trình, đúng tiến độ về thời gian; đảm bảo tính chính xác theo nguyên tắc công khai, công bằng, dân chủ; kết quả điều tra phải phản ánh đúng thực tế tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương và đời sống của nhân dân; tránh tình trạng chạy theo chỉ tiêu, thành tích, phản ánh sai lệch thực tế về tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc thoát nghèo.

II. TIÊU CHÍ, ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI

1. Tiêu chí

a) Đối với việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021

Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 và năm 2021.

b) Đối với việc tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025

Các tiêu chí đo lường nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025

- Tiêu chí thu nhập

+ Khu vực nông thôn: 1.500.000 đồng/người/tháng

+ Khu vực thành thị: 2.000.000 đồng/người/tháng

- Tiêu chí mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản

+ Các dịch vụ xã hội cơ bản (06 dịch vụ), gồm: việc làm; y tế; giáo dục; nhà ở; nước sinh hoạt và vệ sinh; thông tin.

+ Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (12 chỉ số), gồm: việc làm; người phụ thuộc trong hộ gia đình; dinh dưỡng; bảo hiểm y tế; trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em; chất lượng nhà ở; diện tích nhà ở bình quân đầu người; nguồn nước sinh hoạt; nhà tiêu hợp vệ sinh; sử dụng dịch vụ viễn thông; phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin.

Chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025

- Chuẩn hộ nghèo

+ Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

+ Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

- Chuẩn hộ cận nghèo

+ Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

+ Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

- Chuẩn hộ có mức sống trung bình

+ Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000 đồng đến 2.250.000 đồng.

+ Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

2. Đối tượng áp dụng

- Hộ gia đình trên phạm vi toàn thị xã.

- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân tham gia công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình.

III. PHƯƠNG PHÁP RÀ SOÁT

1. Công tác chuẩn bị

- Xây dựng kế hoạch, phương án rà soát, bố trí kinh phí, tổ chức lực lượng tham gia điều tra, rà soát;

- Triển khai tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của việc tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 tới nhân dân và các cấp chính quyền, nhất là cấp xã để người dân biết, tham gia thực hiện;

- Tổ chức lực lượng rà soát cấp xã theo quy định; ưu tiên lựa chọn rà soát viên là những người có kinh nghiệm về công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, biết tiếng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn (nếu có), am hiểu đặc điểm của địa phương; có thiết bị điện thoại thông minh để phục vụ rà soát (trong trường hợp cuộc rà soát yêu cầu triển khai thông qua ứng dụng điện thoại thông minh).

- Tập huấn quy trình, phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo cho thành viên Ban Chỉ đạo các cấp, lực lượng tham gia công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo;

- Mời Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp phối hợp giám sát việc thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

2. Phương pháp rà soát

a) Đối với chuẩn nghèo năm 2021: Sử dụng phương pháp đánh giá, chấm điểm tài sản, thu thập thông tin đặc điểm, điều kiện sống của hộ gia đình để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo.

b) Đối với chuẩn nghèo giai đoạn 2022-2025

- Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo là phương pháp khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo bảo đảm phù hợp với chuẩn nghèo theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025.

- Phương pháp xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình là phương pháp xác định thu nhập của hộ gia đình trong vòng 12 tháng trước thời điểm rà soát, không tính khoản trợ cấp hoặc trợ giúp xã hội từ ngân sách nhà nước vào thu nhập của hộ gia đình.

IV. THỜI GIAN, TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

Từ ngày 15/9/2021 đến ngày 31/12/2021:

STT	Thời gian	Nội dung hoạt động
1	Từ ngày 15/9/2021 đến ngày 30/9/2021	*** Thị xã:** - Phòng Lao động- TB&XH tham mưu UBND thị xã thành lập Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức

STT	Thời gian	Nội dung hoạt động
		sống trung bình và Kế hoạch rà soát; Tổ chức hội nghị triển khai kế hoạch và tập huấn hướng dẫn nghiệp vụ tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cho cấp xã. * **Các xã, phường:** - Thành lập Ban chỉ đạo và xây dựng kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình.
2	Từ ngày 30/9/2021 đến ngày 25/10/2021	*** Các xã, phường:** - Tổ chức tuyên truyền, phổ biến; triển khai kế hoạch rà soát về thôn, tổ dân phố trước ngày **02/10/2021**. - BCĐ các xã, phường tiến hành tổng rà soát theo đúng quy định hướng dẫn về phương pháp, quy trình và bộ công cụ rà soát. - Tổng hợp kết quả rà soát sơ bộ và báo cáo lên Ban chỉ đạo thị xã trước ngày **15/10/2021.** - Tổng hợp kết quả rà soát chính thức và báo cáo lên Ban chỉ đạo thị xã trước ngày **25/10/2021.** - Cập nhật thông tin vào hệ thống phần mềm quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo.
3	Từ ngày 20/10/2021 đến ngày 30/10/2021	*** Thị xã:** - Thẩm định kết quả rà soát do các xã, phường chuyển đến; Tổng hợp, báo cáo kết quả sơ bộ về Sở Lao động- TB&XH trước ngày **20/10/2021**; Tổng hợp, báo cáo kết quả chính thức về Sở LĐ-TB&XH trước ngày **05/11/2021**.
4	Từ ngày 25/9/2021 đến ngày 20/11/2021	*** Thị xã:** - Tổ chức giám sát quá trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tại các xã, phường. - Thẩm định kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.
5	Từ ngày 20/11/2021 đến ngày 31/12/2021	*** Cấp thị xã và các xã, phường:** - Tổng hợp chi tiết, kiểm tra, nhập tin vào phần mềm quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo. - UBND xã, phường Quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình trước ngày **20/11/2021**; cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo trước ngày **31/12/2021**

V. KINH PHÍ

Kinh phí tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 được bố trí từ nguồn ngân sách, bảo đảm sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm. Việc xem xét, bổ sung, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Lao động-TB&XH

Tham mưu thành lập Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025, xây dựng Kế hoạch tổng rà soát trên địa bàn.

Tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho các điều tra viên; Phối hợp với các thành viên Ban chỉ đạo, cơ quan liên quan giám sát việc tổng rà soát trên địa bàn.

Tổ chức thẩm định kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 của xã, phường; trường hợp thấy kết quả rà soát chưa phù hợp với tình hình thực tế của địa phương tổ chức phúc tra.

Trình Chủ tịch UBND thị xã phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025. Tham mưu UBND thị xã báo cáo Sở LĐ-TB&XH kết quả tổng rà soát.

Hướng dẫn các xã, phường cập nhật thông tin về hộ nghèo, hộ cận nghèo vào phần mềm quản lý, làm cơ sở thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã

Tham mưu Ủy ban nhân dân thị xã phân bổ kinh phí kịp thời. Hướng dẫn các xã, phường các cơ quan liên quan về việc lập dự toán, thanh quyết toán kinh phí điều tra rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp theo quyết định hiện hành của Nhà nước.

3. Chi cục Thống kê thị xã

Phối hợp Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cung cấp các thông tin, số liệu liên quan đến việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp.

4. Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao thị xã

Phối hợp với các cơ quan liên quan chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền về tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 đảm bảo kịp thời có hiệu quả.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị xã và các tổ chức thành viên: Tuyên truyền, phổ biến, giám sát quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch này.

6. UBND các xã, phường

Thành lập Ban chỉ đạo tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022- 2025.

Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch tổng rà soát trên địa bàn.

Phổ biến, tuyên truyền mục đích, ý nghĩa, yêu cầu, nội dung của công tác rà soát.

Tổ chức lực lượng điều tra viên, giám sát viên để thực hiện việc rà soát đúng theo quy định.

Sau khi có kết quả rà soát, UBND xã, phường hoàn tất các thủ tục trình UBND thị xã xem xét phê duyệt. Khi có quyết định phê duyệt của UBND thị xã, Chủ tịch UBND các xã, phường ra Quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình; đồng thời gửi các quyết định công nhận và danh sách liên quan về Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thị xã trước ngày **20/11/2021** để tổng hợp, theo dõi;

Cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo trước ngày **31/12/2021.**

Lập sổ quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo tại địa phương; Lưu trữ hồ sơ rà soát và các mẫu, biểu tổng hợp để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát và các vấn đề liên quan khác.

VII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Căn cứ nội dung Kế hoạch này, UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan chủ động xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện tại đơn vị, địa phương trước ngày **22/9/2021**.

2. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thị xã chịu trách nhiệm hướng dẫn đôn đốc, báo cáo thường xuyên với Chủ tịch UBND thị xã về tình hình, triển khai thực hiện Kế hoạch này.

Quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị báo cáo về UBND thị xã (qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) để được hướng dẫn cụ thể./.

Nơi nhận:
- Sở LĐ - TB&XH;
- Thường trực Thị Ủy;
- Thường trực HĐND thị xã;
- CT, các PCT UBND thị xã;
- Các cơ quan, đơn vị nêu tại Mục VI;
- Thành viên BCĐ ĐT,RS HN,HCN;
- Lưu: VT, Phòng LĐ-TB&XH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

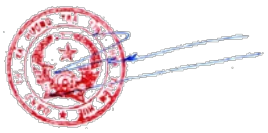

Đỗ Ngọc An